

GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ Xây dựng)

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại cấp	Số lượng/ khối lượng	Diện tích (m2)			Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Tài sản KCHTGTĐ B phục vụ mục đích công cộng	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (1)	Giá trị còn lại			
	Tổng cộng				17,305			9.716,664	1.620.936.478.373	1.304.853.865.090			
	Tuyến đường Quốc lộ 1 tránh TP Ninh Bình (ĐT.477 kéo dài)	Tỉnh Ninh Bình			17,305			9.716,664	1.620.936.478.373	1.304.853.865.090			QĐ số 539/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình. Nguyên giá giá trị tài sản được bóc tách từ giá trị trình quyết toán của dự án (Tờ trình số 176/TTr-SGTVT ngày 30/8/2024 của Sở GTVT Ninh Bình). Tổng chiều dài đoạn là 17,305km. Trong đó gồm cầu: Cầu Ninh Tiến 1 chiều dài L=43,28m; Cầu Ninh Tiến 2 chiều dài L= 41,1m; Cầu Tràng An chiều dài L=77,1m, Cầu sông Hệ chiều dài L=90,2m; Cầu sông Vó chiều dài L=42,1m; Cầu Vượt đường sắt chiều dài L=19,1m; Cầu Bến Đàng chiều dài L=51,2m;
I	Đường và các công trình gắn liền với đường bộ (Km)				16,960	-	-		1.256.393.241.427	1.011.396.559.348			
1	Km0+00 - Km17+040 và các công trình phụ trợ (đã trừ phạm vi nút giao và cầu)		2018		16,960	-	-		1.256.393.241.427	1.011.396.559.348	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
II	Cầu và các công trình gắn liền với cầu đường bộ							9.716,664	364.543.236.946	293.457.305.742			
1	Cầu Ninh tiến 1 (Km10+614,28)		2018						35.379.783.419	28.480.725.652	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							1.644,56					
-	Chiều dài cầu (L)				43,28								
2	Cầu Ninh tiến 2 (Km11+424,27)		2018						28.629.640.825	23.046.860.864	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							1.561,80					
-	Chiều dài cầu (L)				41,10								

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại cấp	Số lượng/ khối lượng	Diện tích (m2)			Giá trị (đồng)		Tình trạng tài sản	Tài sản KCHTGTĐ B phục vụ mục đích công cộng	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (1)	Giá trị còn lại			
3	Cầu Tràng An (Km7+650)		2018						108.025.712.694	86.960.698.719	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							1.773,30					
-	Chiều dài cầu (L)				77,10								
4	Cầu Bến Đàng (Km16+892.19)		2018						46.419.094.360	37.367.370.960	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							768,00					
-	Chiều dài cầu (L)				51,20								
5	Cầu Sông Hệ (Km12+990,75)		2018						92.318.553.061	74.316.435.214	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							2.706,00					
-	Chiều dài cầu (L)				90,20								
6	Cầu Vó (Km14+827,66)		2018						53.770.452.588	43.285.214.333	Đang sử dụng		Nguyên giá tạm hạch toán
-	Diện tích cầu (m2)							1.263,00					
-	Chiều dài cầu (L)				42,10								

Ghi chú: (1) Nguyên giá theo đề nghị của Cục ĐBVN được bóc tách từ giá trị trình quyết toán của dự án (Tờ trình số 176/TTr-SGTVT ngày 30/8/2024 của Sở GTVT Ninh Bình), sau khi công trình được phê duyệt quyết toán hoàn thành, Sở Xây dựng Ninh Bình, Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm phối hợp và cung cấp thông tin để kịp thời điều chỉnh kế toán tài sản theo quy định.